

Số: 59 /DKĐĐ-KTKH

Hà Nội, ngày 03 tháng 06 năm 2020

V/v: Báo cáo tổng kết HĐSXKD năm 2019,
kế hoạch, nhiệm vụ năm 2020.

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2019
KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2020

(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020)

PHẦN 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

I. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2019	TH năm 2019	Tỷ lệ TH so với KH (%)
1	Chỉ tiêu sản lượng	tỷ đồng	148,00	27,00	18,25%
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	121,00	38,62	31,92%
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	0,11	-33,94	
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	0,11	-33,94	
5	Giá trị đầu tư	tỷ đồng	26,95	6,62	24,57%
6	Lao động cuối kỳ	người	100	79	79,00%
7	Lao động sử dụng bình quân	người	95	61	64,21%
8	Thu nhập bình quân	triệu đồng /ng/tháng	7,788	7,725	99,19%
9	Vốn điều lệ	tỷ đồng	500	500	100%

1. Đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2019.

a. Doanh thu:

- Doanh thu năm 2019 đạt 38,62 tỷ đồng, đạt 31,92% so với kế hoạch năm. Doanh thu đạt được chủ yếu là từ hoạt động thi công xây lắp; một phần là từ hoạt động cho thuê văn phòng Công ty, cho thuê căn hộ và bán căn hộ tại dự án Dragon. Cụ thể:

+ Hoạt động trong lĩnh vực xây lắp: Doanh thu đạt 31,35 tỷ đồng trong đó:

- Doanh thu từ dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là: 26,24 tỷ đồng
- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 là: 0,51 tỷ đồng
- Dự án nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An là: 4,33 tỷ đồng
- Các dự án khác: 0,27 tỷ đồng.

+ Hoạt động kinh doanh khác: Doanh thu đạt 7,27 tỷ đồng từ hoạt động cho thuê văn phòng Công ty, cho thuê căn hộ và bán căn hộ tại dự án Dragon của Công ty...

b. Lợi nhuận trước thuế:

- Trong năm 2019 khoản lỗ là 33,94 tỷ đồng. Nguyên nhân một phần là do doanh thu đạt được chưa đủ để bù đắp chi phí quản lý doanh nghiệp và chủ yếu là chi phí lãi vay, đặc biệt là khoản lãi vay phát sinh từ dự án Xuân Phương, các khoản trích lập dự phòng từ đầu tư tài chính.

c. Thu nhập bình quân: Thu nhập bình quân năm 2019 ước đạt 7,725 triệu đồng/tháng.

2. Phân tích, giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch đề ra.

- Năm 2019, Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đối với các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đề ra.

+ Đối với hoạt động thi công xây lắp:

- Do nguồn vốn thi công thiếu, công ty không tiếp cận được nguồn vốn tại các tổ chức tín dụng vì vậy các dự án xây lắp không đạt như kế hoạch, tiến độ kéo dài dẫn đến tăng chi phí, làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh.

- Tại Dự án Nhiệt điện Thái Bình 2: Khối lượng các hạng mục còn lại chưa kết thúc dứt điểm do khó khăn về việc bố trí vốn và công tác thanh toán tiếp tục khó khăn kéo dài, chưa được tháo gỡ. Công tác nghiệm thu thanh toán còn chậm, nhiều danh mục công việc chưa được nghiệm thu thanh toán; giá trị biện pháp thi công chưa được thanh toán hoặc thanh toán chưa tương xứng với chi phí biện pháp thi công.

+ Nhân sự quản lý tại các dự án thi công chưa thực sự ổn định do đó hiệu quả quản lý tại các dự án chưa cao.

+ Chưa thực hiện được kế hoạch kinh doanh vật tư vật liệu để mang lại doanh thu và lợi nhuận như kế hoạch đề ra.

+ Tại dự án CT5E - Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội: Tại thời điểm lập kế hoạch SXKD năm 2019, Công ty kỳ vọng và dự kiến sẽ thực hiện khởi công dự án trong 06 tháng cuối năm. Khi đó, lãi vay của dự án sẽ được tính vào chi phí thực hiện dự án. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại dự án vẫn chưa hoàn thành được việc điều chỉnh quy hoạch, ảnh hưởng đến tiến độ dự án. Do đó, lãi vay được hạch toán vào chi phí quản lý làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty.

3. Tình hình thực hiện hoạt động thi công xây lắp trong năm 2019:

3.1. Tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 :

- *Hạng mục Nhà nén khí cho hệ thống thải xỉ:*

Phần xây dựng: Đã hoàn thành thi công phần móng của hạng mục, hoàn thành thi công lắp dựng khối lượng kết cấu thép.

Phần thi công tôn mái và tôn tường: Đã hoàn thành công tác thi công tôn lớp 1 xà gồ phụ, đang tiến hành thi công gia công máng nước, giá đỡ máng nước, đang tiến hành lắp dựng hệ thống giàn giáo để thi công lớp cách nhiệt và thi công tôn lớp 2.

- *Hạng mục Nhà tách nước thạch cao*

Đã thi công xong phần đế móng Nhà tách nước thạch cao. Đã hoàn thành backfill đế móng, lắp dựng bulong cột và thi công bê tông cột, phần bê tông vách. Phần tường đã thi công hoàn thiện đến cos +8,7m. Phần vách cầu thang đã thi công đến cos +28m.

Công tác gia công chế tạo đã hoàn thành 594T/970 tấn chuyển hàng về tập kết tại công trường. Nhà thầu đang triển khai công tác làm sạch và sơn kể cấu thép đạt 13.000/14.000m². Đã bàn giao cho PVC- MS lắp đặt 560 tấn

- *Hạng mục Nhà bơm thải tro xỉ*

Đã thi công Hoàn thiện vách W1,W2 và cột 1C1; W5,W6 và cột 1C1. Hoàn thiện xong dầm, sàn cos +3,45, dầm, sàn cos +5,2 san , Vách W4 và cột 1C1 đã hoàn thành được trục 7; B,E/(6-7). Vách W4 và cột 1C1 trục E/(3-6) và trục 3/(B-D) thi công đến cos 2,6m. Khối lượng thi công đạt 60% khối lượng công việc. Phần bể chứa bùn trục 1÷3/A÷D đã thi công đến cos +2.4m hiện đang gia công lắp đặt cốt thép đến cos 4.8+, phần nền và mương cấp đang thi công phần rãnh cấp.

- *Hạng mục Trạm bơm nước lắng trong quay về:* chưa có mặt bằng để triển khai thi công.

- *Hạng mục Duck Bank, bể xả cặn:* Đã thi công xong

3.2. Dự án tại TP Hồ Chí Minh:

3.2.1. Công tác thi công xây lắp:

Thi công nhà phố liền kề khu dân cư Tiến Lộc Garden - Đồng Nai.

Đã triển khai đào móng, đổ bê tông lót, lắp dựng cốt thép, ván khuôn móng 11/24 căn. Vật tư chính đã nhập về công trường: thép xây dựng, vật tư MEP, cát, đá, xi măng đã nhập vào công trường đủ cho thi công 8 căn.

3.2.2. Công tác thanh quyết toán và thu hồi công nợ các công trình

- *Công trình Khu B Chung cư 5 tầng và khu thấp tầng Trần anh Long An .*

Chủ đầu tư đã gửi phần giá trị đối trừ khối lượng làm thay tại B1, B4 và sửa chữa tại các lô khu thấp tầng với nhiều mục vô lý và không có căn cứ, Công ty đã có văn bản phản hồi gửi Chủ đầu tư nhưng chưa có cuộc họp hoặc văn bản trả lời thỏa đáng về các vấn đề nêu trên. Do vậy công tác nghiệm thu thanh quyết toán còn chậm.

- *Công trình Trung tâm thể dục thể thao Quận 1.*

Đang hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán với Ban quản lý dự án. Công tác thanh quyết toán chậm chễ do quy trình thụ lý của BQL xem xét hồ sơ rất chậm, cán bộ không bố trí được thời gian tập trung làm việc và hồ sơ đi qua nhiều bộ phận. BQL có sự thay đổi lãnh đạo nên công tác xử lý hồ sơ quyết toán chậm.

Ngoài ra việc ảnh hưởng đến quyết toán là công tác sửa chữa trong quá trình bảo hành liên tục các hệ thống điều hòa, điện và thấm dột ... Công ty nhiều lần liên lạc với các thầu phụ nhưng với lý do chưa được thanh toán đủ tỷ lệ hợp đồng nên không đến kiểm tra sửa chữa. Công ty cũng đã chi sửa chữa tại công trình này hàng trăm triệu đồng và sẽ tiếp tục phải thực hiện để không ảnh hưởng đến việc ký các phụ lục quyết toán công trình.

- *Công trình Sửa chữa Khu biệt thự 5 sao Huyện Cần Giuộc, Tỉnh Long An.*

Việc thi công sửa chữa Chi nhánh HCM đã thực hiện xong và đã gửi hồ sơ thanh quyết toán cho Nhà thầu chính. Tuy nhiên chưa nhận được sự hợp tác tích cực dẫn đến chưa thu hồi được công nợ còn tồn đọng.

- *Công trình NMNĐ Sông Hậu 1:*

Hạng mục Nhà điều khiển trung tâm: Đã thi công xong toàn bộ phần kết cấu theo phạm vi công việc như nội dung của hợp đồng đã ký và đã bàn giao lại mặt bằng cho Tổng thầu EPC. Hiện nay, đang tiến hành hoàn thiện Hồ sơ chất lượng để bàn giao cho Tổng thầu.

BQL/Tổng thầu Lilama có văn bản yêu cầu bổ sung thêm các bộ hồ sơ chất lượng, bản vẽ BPTC... cơ bản việc thu hồi vốn sẽ còn khó khăn và kéo dài nhiều tháng do các phần chưa được thanh toán còn lại tại dự án chủ yếu là các công tác liên quan đến biện pháp thi công chưa có đơn giá, chưa được phê duyệt giá hoặc đơn giá lạc hậu đang xin điều chỉnh, sự phối hợp giữa các nhà thầu với Tổng thầu và CĐT sẽ qua nhiều cấp, nhiều bước mới được thanh toán.

4. Tình hình thực hiện công tác đầu tư năm 2019:

- Giá trị đầu tư năm 2019 ước đạt 6,62 tỷ đồng bằng 24,57% kế hoạch năm. Giá trị đầu tư chủ yếu là chi phí lãi vay đầu tư Dự án Xuân Phương.

- Dự án hiện nay của Công ty là CT5E Xuân Phương đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư và bị chậm tiến độ so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do việc thay đổi, điều chỉnh quy hoạch của Thành phố Hà Nội đã kéo dài thời gian các bước chuẩn bị đầu tư dự án của Công ty.

- Hiện nay áp lực trả hết nợ gốc và lãi quá hạn ngân hàng HDBank tại Dự án Xuân Phương là rất lớn. Công ty không có nguồn tiền để trả nợ khoản vay. Công ty vẫn đang tích cực tìm kiếm đối tác để thoái vốn thu hồi toàn bộ vốn đã đầu tư tại Dự án.

5. Kết quả triển khai thực hiện thực hành tiết kiệm, tiết giảm chi phí SXKD:

Trong năm 2019, Công ty đã nghiêm túc thực hiện có hiệu quả các Chỉ thị và Nghị quyết của Tổng Công ty về việc thực hành tiết kiệm và tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh như: Tiết giảm nhân sự từ 95 xuống 79 nhân sự, tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, tiết giảm chi phí quản lý... Tổng số tiết kiệm, tiết giảm thực hiện trong năm 2019 đã đạt kế hoạch đề ra.

6. Công tác lao động, đào tạo, an sinh xã hội:

- Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ nguồn, có chế độ thu hút kỹ sư, cử nhân, công nhân để bổ sung nguồn nhân lực cho các công trình mới.

- Thực hiện kịp thời, đảm bảo đầy đủ chế độ đối với người lao động như chế độ BHXH, BHYT, thăm khám chữa bệnh, chế độ thai sản... và các chế độ khác theo quy định. Hoàn thành chế độ nghỉ hưu cho 02 người.

- Sử dụng lao động một cách hợp lý và có hiệu quả trong hoạt động SXKD của Công ty. Tập trung rà soát lại công việc, lực lượng lao động để sắp xếp bố trí đúng người đúng việc, nhằm đảm bảo có đủ việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ quản lý, kỹ sư và người lao động nhằm nâng cao kiến thức lãnh đạo quản lý, tay nghề phù hợp với xu thế phát triển và yêu cầu SXKD của Công ty.

7. Kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu doanh nghiệp.

- Trong năm 2019, Công ty PVC Đông Đô tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được trong việc chuyển đổi mô hình hoạt động từ lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản sang lĩnh vực thi công xây dựng công trình. Công ty đã mở rộng thị trường và tiếp tục có thêm các công việc từ hoạt động xây lắp tại Tỉnh Long An, Đồng Nai. Hoạt động thi công xây lắp công trình giúp Công ty từng bước ổn định sản xuất, duy trì bộ máy Công ty, tạo công ăn việc làm cho người lao động.

- Thực hiện việc sắp xếp lại văn phòng làm việc, cơ cấu nhân sự, tinh giảm biên chế. Cắt một phần diện tích văn phòng cho thuê để bù đắp chi phí thường xuyên của công ty.

- Thực hiện cơ cấu lại nguồn vốn để lấy vốn tập trung cho hoạt động xây lắp như:
- + Thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Bình Sơn: Tổng vốn góp tại Bình Sơn là 26 tỷ, đã thoái được 3,9 tỷ. Hiện vốn góp của Đông Đô còn 22,1 tỷ. Công ty ủy quyền cho Tổng công ty PVC thực hiện thoái vốn còn lại.
- + Phần vốn góp tại Công ty Petroland: Trong Quý 4/2019 đã hoàn thành việc thu hồi vốn góp bằng phương pháp giao dịch khớp lệnh trên sàn với số tiền thu hồi được là 10,7 tỷ đồng. Số tiền trên công ty đã dùng để trả nợ gốc HDBank của Dự án Xuân Phương.
- + Phần vốn góp tại dự án Nam An Khánh: Tổng vốn góp của công ty tại dự án là 50,9 tỷ, trong năm 2019 công ty đã tiến hành đấu giá công khai đến đợt 3 nhưng chưa có đối tác quan tâm.
- + Phần vốn góp tại dự án sinh thái Cừu Long Hòa Bình do Hasky làm Chủ đầu tư: Trong năm 2019 công ty Hasky đã trả được 3 tỷ, công nợ đến hết ngày 31/12/2019 còn 25,5 tỷ. Công ty đã dùng nhiều biện pháp thúc giục, thu hồi công nợ, Hasky cam kết sẽ trả nốt khoản vốn góp còn lại trước Quý 3/2020.
- + Phần vốn góp vào dự án BMM: Năm 2019, Công ty đã hoàn thành xong thủ tục thu hồi vốn tại dự án BMM.
- + Phần vốn góp vào Thiên Phúc Gia: Công ty đã nhiều lần gửi công văn và dùng nhiều biện pháp để thu hồi công nợ, tuy nhiên phía Thiên Phúc Gia không có sự hợp tác. Công ty đã thuê đơn vị tư vấn luật tiến hành khởi kiện để thu hồi công nợ.

8. Đánh giá những nhiệm vụ chưa hoàn thành, các tồn tại, khó khăn vướng mắc và bài học kinh nghiệm:

- Hoạt động thi công xây lắp luôn cần một nguồn vốn lớn, tuy nhiên công tác thu xếp vốn của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, hạn mức tín dụng cho xây lắp còn thấp do Công ty thiếu tài sản đảm bảo làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ và khả năng hoàn thành dự án.
- Công tác thoái vốn của Công ty tại các dự án/ công ty góp vốn gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty.
- Đối với hoạt động xây lắp: Công tác lập hồ sơ nghiệm thu thanh toán còn chậm, dẫn đến khối lượng giá trị dở dang lớn, doanh thu chưa đạt được như kế hoạch đã đề ra.
- Giá trị tạm nghiệm thu thanh toán còn thấp; nhiều danh mục công việc ngoài thực tế thi công sai khác với danh mục công việc trong hợp đồng/ dự toán được duyệt nên chưa được nghiệm thu thanh toán dẫn đến giá trị khối lượng dở dang của Công ty cao.
- Tỷ trọng lợi nhuận trên doanh thu trong hoạt động xây lắp của Công ty còn thấp do Công ty hiện nay chủ yếu làm nhà thầu phụ.

B. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2020, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô xây dựng kế hoạch và các giải pháp thực hiện năm 2020 như sau:

I. Các chỉ tiêu cụ thể:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2020
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	tỷ đồng	140,28
2	Doanh thu	tỷ đồng	120,05
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-
5	Lao động sử dụng bình quân	người	76
6	Thu nhập bình quân	triệu đồng/người/tháng	7,933
7	Vốn điều lệ	tỷ đồng	500

1. Giá trị sản xuất kinh doanh: Kế hoạch năm 2020 là 140,28 tỷ đồng, cụ thể:
+ Kế hoạch Giá trị sản xuất kinh doanh từ hoạt động thi công xây lắp là: 133,51 tỷ đồng. Trong đó:

- Thi công nốt giá trị khối lượng còn lại thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là: 36,91 tỷ đồng.

- Thi công dự án Nhà phố liền kề KDC Tiến Lộc Garden là: 30,60 tỷ đồng.

- Thi công các dự án khác là: 66 tỷ đồng.

+ Giá trị SXKD từ lĩnh vực ngoài xây lắp là: 6,76 tỷ đồng.

2. Doanh thu: Kế hoạch năm 2020 là 120,05 tỷ đồng, cụ thể:

+ Kế hoạch doanh thu từ hoạt động thi công xây lắp là: 113,8 tỷ đồng. Trong đó:

- Thi công một số gói thầu và nghiệm thu giá trị khối lượng phát sinh thuộc dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là: 51,62 tỷ đồng.

- Nghiệm thu quyết toán dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 là: 7,61 tỷ đồng.

- Nghiệm thu quyết toán dự án KDC và Viện dưỡng lão Long An là: 12,29 tỷ đồng.

- Thi công và nghiệm thu dự án Tiến Lộc Garden là: 27,82 tỷ đồng

- Thi công một số dự án mới tại Tp.HCM và khu vực miền Bắc là: 14,46 tỷ đồng

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản: 5,20 tỷ đồng.

+ Doanh thu từ sản xuất kinh doanh khác là: 1,05 tỷ đồng

+ Ngoài các hoạt động xây lắp và kinh doanh khác, Công ty dự định sẽ chuyển nhượng Dự án Xuân Phương nhằm thu hồi vốn để lấy nguồn để tập trung triển khai xây lắp công trình.

3. Lợi nhuận sau thuế: Năm 2020, Công ty cố gắng giảm lỗ để giảm thiểu thiệt hại tối đa cho cổ đông và công ty.

4. Nhân sự

- Lao động bình quân sử dụng là 76 người.

- Về nhân sự lãnh đạo quản lý: Kiện toàn nhân sự trong Ban giám đốc và Hội đồng quản trị.

- Về nhân sự tại công trường: Công ty sẽ thu quân tại các dự án đã triển khai thi công xong như: Dự án Khu thể thao đa năng Quận 1, Dự án Viện dưỡng lão Long An, Dự án Nhiệt điện Sông Hậu 1 để tập trung quân vào dự án mới triển khai KDC Tiến Lộc Garden, Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II và các công trình khác.

5. Thu nhập bình quân dự kiến đạt: 7,93 triệu đồng/người/tháng

6. Kế hoạch về nguồn vốn

Để có thể triển khai kế hoạch kỳ vọng như đã đặt ra ở trên thì vấn đề về nguồn vốn là quan trọng nhất. Do đó năm 2020, công ty dự kiến sẽ tiến hành:

- Chuyển nhượng/thoái vốn tại các khoản góp vốn như: Công ty CP Tây Hà Nội, Công ty Lam Kinh, dự án Nam An Khánh, thu hồi vốn đã góp tại dự án Dolphin Plaza...
- Thu hồi công nợ tại các công trình/dự án đã thi công như: Trung tâm thể thao Quận 1, Dự án Nhà dưỡng lão Long An, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Thái Bình...
- Thu hồi công nợ: Đôn đốc thu hồi công nợ tại các khoản góp vốn Dự án sinh thái Cửu Long (Công ty Hasky), Công ty Thiên Phúc Gia.
- Chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Khu đất CT5E Xuân Phương: Dưới áp lực của Ngân hàng về khoản vay, do đặc thù của Khu đất CT5E Xuân Phương dẫn đến khó khăn vướng mắc trong quá trình tiếp tục triển khai thực hiện, do vậy năm 2020 Công ty sẽ tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất sau khi được sự chấp thuận của Tổng Công ty và các cổ đông.
- Thanh toán công nợ cổ tức quá hạn cho Tổng Công ty và các cổ đông.

II. Các giải pháp chủ yếu trong năm 2020:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, Công ty tập trung vào các giải pháp trọng tâm sau:

- Tập trung tiếp thị tìm kiếm các công việc về thi công xây lắp để đảm bảo đạt kế hoạch sản lượng năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Tập trung nguồn lực để thu hồi vốn, công nợ:

+ Thu hồi vốn tại các Hợp đồng đã thi công: Công ty sẽ tập trung nhân lực chủ chốt tại các Ban chỉ huy công trường để thực hiện công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, hoàn thiện hồ sơ thu hồi công nợ, đảm bảo tối thiểu giá trị khối lượng dở dang và nhanh chóng thu hồi vốn tồn đọng tại các công trình/dự án Trung tâm thể thao Quận 1, Dự án Nhà dưỡng lão Long An, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhiệt điện Thái Bình...

+ Thu hồi vốn tại các dự án và các khoản đầu tư tài chính: Thúc đẩy công tác rút vốn để lấy vốn tập trung thi công xây lắp, trả lương CBCNV và đóng bảo hiểm, trả nợ vay ngân hàng, thanh toán cổ tức cho cổ đông như: thoái vốn tại Công ty CP Tây Hà Nội, Công ty Lam Kinh, chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án Nam An Khánh, thu hồi vốn góp tại dự án Dolphin Plaza, tòa nhà 160 Trần Quang Khải, Dự án sinh thái Cửu Long (Công ty Hasky)...

+ Đối với Khu đất CT5E Xuân Phương: Trong năm 2020, Công ty sẽ làm việc với HDBank để cơ cấu khoản vay và tích cực tìm kiếm đối tác tổ chức để hợp tác triển khai dự án nhằm giảm áp lực tài chính. Trong trường hợp không cơ cấu được khoản vay Công ty sẽ tìm biện pháp để tiến hành chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm thu hồi vốn trả nợ ngân hàng và bổ sung cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Đối với phần vốn góp tại dự án Nam An Khánh: Tiếp tục tìm kiếm khách hàng và tiến hành các đợt đấu giá tiếp theo để chuyển nhượng phần vốn góp tại dự án này.

- Rà soát, đánh giá lại hiệu quả của các hợp đồng đã thi công để rút kinh nghiệm cho các công trình sẽ triển khai trong năm 2020.

- Kiện toàn thường xuyên bộ máy phòng ban Công ty, Ban chỉ huy và Đội xây lắp đáp ứng yêu cầu của công trường. Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại để nâng cao năng lực chuyên môn và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu SXKD, phù hợp với tốc độ tăng trưởng của Công ty.

- Kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng cường kiểm soát, giám sát, thực hành tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Tăng cường công tác quản lý kỹ thuật, vật tư và đặc biệt là công tác an toàn lao động trên công trường.

- Có giải pháp thi công chi tiết, hợp lý, tiết kiệm, an toàn cho mỗi hạng mục công trình.

- Thực hiện các giải pháp tài chính linh hoạt, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, cấp đủ vốn cho sản xuất và đầu tư. Chủ động rà soát, nâng hạn mức vay vốn lưu động để đảm bảo vốn cho SXKD.

- Tăng cường công tác kinh doanh vật tư, vật liệu.

Kết luận

Trên đây là Báo cáo thực hiện kế hoạch SXKD của PVC Đông Đô trong năm 2019 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự chỉ đạo, giúp đỡ và giới thiệu đối tác của Hội đồng quản trị công ty, Tổng công ty, Tập đoàn Dầu khí và Quý cổ đông về cơ hội trong lĩnh vực xây lắp cũng như chuyển nhượng phần vốn góp tại Công ty Lam Kinh, Công ty CP Tây Hà Nội và chuyển nhượng quyền sử dụng đất lô CT5E Xuân Phương, chuyển nhượng phần vốn góp dự án Nam An Khánh của Công ty.

Giám đốc Công ty PVC Đông Đô kính đề nghị Tổng Công ty, Tập đoàn Dầu khí tạo điều kiện trong công tác nghiệm thu thanh quyết toán tại các công trình mà Tổng Công ty/Tập đoàn Dầu khí làm Tổng thầu/ Chủ đầu tư như: dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 để Công ty quay vòng vốn sản xuất kinh doanh.

Trân trọng!

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



[Handwritten signature]

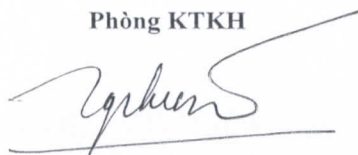
Phan Minh Tâm

THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cả năm 2018	Năm 2019						Năm 2020						Ghi chú
				Kế hoạch năm 2019	Thực hiện			Tỷ lệ (%)		Kế hoạch năm 2020	Trong đó:					
					TH 9 tháng đầu năm (theo BCTC)	TH Quý 4 2019	TH cả năm 2019	TH/KH năm 2019	So với TH năm 2018		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
A	B	C	I	2		4	5	6=5/2	7=5/1	8=9+10+11 +12	9	10	11	12		14
I	Chỉ tiêu Giá trị SXKD	Tỷ đồng	68,42	148,00	13,12	13,88	27,00	18,25%	39,47%	140,28	25,29	22,38	30,33	62,27		
1	Trong đó: + Giá trị sản lượng xây lắp	Tỷ đồng	65,31	134,63	10,34	9,09	19,42	14,43%	29,74%	133,51	24,61	21,71	29,66	57,53		
2	+ Giá trị sản lượng ngoài xây lắp:	Tỷ đồng	3,11	13,37	2,79	4,80	7,58	56,72%	244,08%	6,76	0,67	0,67	0,67	4,74		
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	1,49	8,37	2,68	0,31	2,99	35,70%	200,21%	5,71	0,41	0,41	0,41	4,48		
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	1,61	5,00	0,11	4,49	4,60	91,91%	284,59%	1,05	0,26	0,26	0,26	0,26		
II	Các chỉ tiêu tài chính															
1	Tổng tài sản	Tỷ đồng	538,59	576,82	516,55	505,00	505,00	87,55%	93,76%	516,25	515,57	516,40	517,26	515,55		
	- Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	212,83	227,22	209,14	199,27	199,27	87,70%	93,63%	209,13	208,14	209,37	210,15	209,14		
	- Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	325,76	349,60	307,41	305,73	305,73	87,45%	93,85%	307,12	307,43	307,03	307,11	306,41		
2	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	326,30	326,42	305,98	292,29	292,29	89,54%	89,57%	302,05	300,64	299,62	300,32	302,05		
3	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	82,84	121,00	26,26	12,36	38,62	31,92%	46,63%	120,05	20,18	22,36	41,12	36,38		
3.1	Doanh thu xây lắp	Tỷ đồng	80,01	108,85	23,72	7,63	31,35	28,80%	39,18%	113,80	19,55	21,72	40,48	32,05		
3.2	Doanh thu ngoài xây lắp	Tỷ đồng	2,82	12,15	2,54	4,73	7,27	59,85%	257,51%	6,25	0,64	0,64	0,64	4,34		
	- Kinh doanh bất động sản	Tỷ đồng	1,36	7,60	2,44	0,28	2,71	35,70%	200,21%	5,20	0,38	0,38	0,38	4,08		
	- Sản xuất kinh doanh khác	Tỷ đồng	1,47	4,55	0,11	4,45	4,56	100,21%	310,39%	1,05	0,26	0,26	0,26	0,26		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-20,33	0,11	-20,32	-13,62	-33,94	-	-	-	-1,41	-1,02	0,70	1,73		

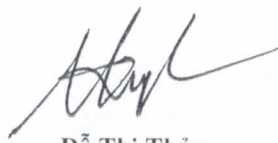
TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cả năm 2018	Năm 2019						Năm 2020						Ghi chú
				Kế hoạch năm 2019	Thực hiện			Tỷ lệ (%)		Kế hoạch năm 2020	Trong đó:					
					TH 9 tháng đầu năm (theo BCTC)	TH Quý 4 2019	TH cả năm 2019	TH/KH năm 2019	So với TH năm 2018		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV		
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-20,33	0,11	-20,32	-13,62	-33,94	-	-	-	-1,41	-1,02	0,70	1,73		
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	1,27	4,10	1,62	0,40	2,02	49,32%	159,60%	0,20	0,050	0,047	0,050	0,053		
7	Nợ phải trả	Tỷ đồng	212,28	251,91	210,59	212,72	212,72	84,44%	100,20%	189,61	187,93	188,86	189,43	189,61		
7.1	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	212,28	206,09	210,59	212,72	212,72	103,22%	100,20%	189,61	187,93	188,86	189,43	189,61		
7.2	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	0,00	45,82												
III	Chỉ tiêu đầu tư															
1	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	6,06	26,95	4,70	1,92	6,62	24,57%	109,29%	-	-	-	-	-		
	Trong đó: - Đầu tư XDCB	Tỷ đồng	5,16	16,95	4,44	1,92	6,36	37,53%	123,31%	-	-	-	-	-		
	- Đầu tư MSTB	Tỷ đồng	0,90	10,00	0,26		0,26	2,60%	28,89%	-	-	-	-	-		
	- Đầu tư tài chính	Tỷ đồng														
IV	Các chỉ tiêu khác															
1	Lao động và thu nhập															
	- Số lao động cuối kỳ	Người	95	100	88	79	79	79,00%	83,16%	90	85	90	90	95		
	-Lao động sử dụng bình quân	Người	83	95	85	61	61	64,21%	73,49%	76	80	85	85	90		
	- Thu nhập bình quân	Trđ/ng th	7,70	7,788	7,70	7,725	7,725	99,19%	100,32%	7,93	7,80	7,80	7,90	8,00		
2	Thực hiện đào tạo	Lượt người	2	40,00	2,00	1,00	3,00	7,50%	150,00%	20,00	5,00	5,00	5,00	5,00		
3	Kinh phí thực hiện đào tạo	Tỷ đồng	0,003	0,10	0,003	0,005	0,008	8,30%	251,52%	0,04	0,01	0,01	0,01	0,01		

Phòng KTKH



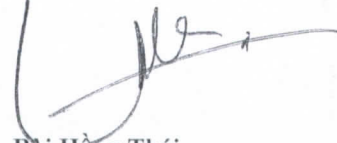
Ngô Duy Chinh

Phòng TCHC



Đỗ Thị Thủy

Phòng TCKT



Bùi Hồng Thái



Phan Minh Tâm

TỔNG CÔNG TY CP XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐỎ

PHÂN TÍCH CHI TIẾT SẢN LƯỢNG - DOANH THU - LỢI NHUẬN NĂM 2019

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Năm 2019														Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
						Lũy kế thực hiện đến 31/12/2018		Kế hoạch năm 2019 (TCT phê duyệt)			TH 9 tháng đầu năm 2019 (theo BCTC)			Thực hiện Quý 4/2019 (Theo BCTC)			Thực hiện năm 2019			
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	9	13	14	15	25	26	27	F
	TỔNG CỘNG					281,17	172,45	148,00	121,00	0,11	13,12	26,26	-20,32	13,88	12,36	-13,62	27,00	38,62	-33,94	
A	XÂY LẮP					281,17	172,45	134,63	108,85	10,85	10,34	23,72	0,78	9,09	7,63	0,16	19,42	31,35	0,94	
1	HĐ số 01/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/6/2015 (Thi công HM Sân phân phối và đường ống cấp nước làm mát)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	Theo tiến độ công trình được duyệt	27,76	26,65	16,09	0,00	3,70	0,333	0,00	0,95	0,03				0,00	0,95	0,03	
2	HĐ số 32/2016/HĐKT/PVC-PVC Đông Đô ngày 17/6/2016 (Thi công nhà tách nước thạch cao và hệ thống thải tro xỉ)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	175 ngày	141,26	90,04	37,37	76,63	54,07	4,866	7,30	17,65	0,60	4,07	7,63	0,16	11,36	25,28	0,76	
3	HĐ số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC-Dong Do ngày 25/7/2016 (Cung cấp và vận chuyển đất gia cố mái tuyến đê)	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình	30 ngày	14,48	14,97	8,28			0,000							0,00	0,00	0,00	
4	Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1 (HĐ số XD02C/2016/SH1-PVC-PVC. Đông Đô ngày 10/10/2016) Thi công NĐK trung tâm	Tập đoàn DKQGVN	Huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	Từ 2/10/2016 đến 4/10/2017	24,15	25,77	15,30	0,00	4,68	0,421		0,51	0,01				0,00	0,51	0,01	

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2018		Năm 2019												Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
						Kế hoạch năm 2019 (TCT phê duyệt)			TH 9 tháng đầu năm 2019 (theo BCTC)			Thực hiện Quý 4/2019 (Theo BCTC)			Thực hiện năm 2019					
						Giá trị SXKD	Doanh thu		Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	
5	HĐ số 119-2/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 4/11/2016 (Thi công phần kết cấu Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM)	UBND Quận 1-Tp HCM	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	352 ngày	8,28	7,28	5,25			0,000							0,00	0,00	0,00	
6	Số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 04/11/2016 (Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM)	UBND Quận 1-Tp HCM	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM	352 ngày	10,14	9,59	7,62			0,000							0,00	0,00	0,00	
7	Xây dựng nhà phố thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An.				107,16	105,85	82,37	12,13	24,89	2,738	3,04	4,33	0,13				3,04	4,33	0,13	
8	Hoàn thiện biệt thự song lập thuộc Dự án Khu đô thị Năm Sao				1,11	1,01	0,16			0,000		0,27	0,01				0,00	0,27	0,01	
9	Hoàn thiện nhà phố liền kề KDC Tiến Lộc Garden (Số 02/2019/HĐTC/TA-PVCDD ngày 25/09/2019)	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiến Lộc	Đông Nam	35,62				25,00	11,38	1,376				5,02			5,02	0,00	0,00	
10	Các Dự án dự kiến khác				20,87			20,87	10,13	1,114							0,00	0,00	0,00	
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL					0,00	0,00	13,37	12,15	1,82	2,79	2,54	0,22	4,80	4,73	4,14	7,58	7,27	4,35	0,00
I	Kinh doanh BDS				0,00	0,00	0,00	8,37	7,60	1,14	2,68	2,44	0,11	0,31	0,28	0,03	2,99	2,71	0,14	0,00
1	Phí dịch vụ môi giới bất động sản							0,11	0,10	0,015							0,00	0,00	0,00	
2	Cho thuê căn hộ được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long (TP HCM)							0,21	0,19	0,029	0,09	0,08	0,01				0,09	0,08	0,01	
3	Cho thuê Văn phòng Công ty							0,69	0,62	0,094	0,55	0,50	0,05	0,31	0,28	0,03	0,86	0,78	0,08	
4	Bán căn hộ tại DA Phú Long (TP HCM)							7,36	6,69	1,004	2,04	1,86	0,06				2,04	1,86	0,06	
II	Sản xuất kinh doanh khác					0,00	0,00	5,00	4,55	0,68	0,11	0,11	0,11	4,49	4,45	4,10	4,60	4,56	4,21	0,00
1	Kinh doanh vật tư							5,00	4,55	0,683				0,40	0,36	0,01	0,40	0,36	0,01	

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2018		Năm 2019													Giải trình nguyên nhân không hoàn thành kế hoạch
								Kế hoạch năm 2019 (TCT phê duyệt)			TH 9 tháng đầu năm 2019 (theo BCTC)			Thực hiện Quý 4/2019 (Theo BCTC)			Thực hiện năm 2019				
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế		
2	Doanh thu hoạt động tài chính													4,09	4,09	4,09	4,09	4,09	4,09		
3	Lãi TGNH										0,003	0,003	0,003				0,00	0,00	0,00		
4	Thu nhập khác										0,10	0,10	0,10	0,00	0,002	0,00	0,11	0,11	0,11		
C	CHI PHÍ					0,00	0,00	0,00	0,00	12,56	0,00	0,00	21,32	0,00	0,00	17,91	0,00	0,00	39,23	0,00	
1	CP quản lý									9,902			8,58			10,33	0,00	0,00	18,90		
2	CP bán hàng									-			0,04				0,00	0,00	0,04		
3	CP khác									1,678							0,00	0,00	0,00		
4	CP tài chính (Bao gồm cả CP lãi vay)									0,981			12,71			7,58	0,00	0,00	20,29		

Hà Nội, ngày 03 tháng 1 năm 2020

NGƯỜI LẬP

Triệu Thị Hồng Hà

TP KINH TẾ KẾ HOẠCH

Ngô Duy Chính

TP TCKT

Bùi Hồng Thái



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

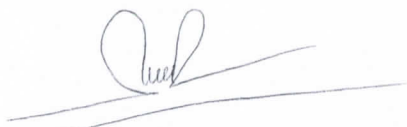
Phan Minh Tâm

[illegible]

STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019		NĂM 2020														
								Kế hoạch năm 2020			Kế hoạch Quý I			Kế hoạch Quý II			Kế hoạch Quý III			Kế hoạch Quý IV		
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
6	Số 119-3/2016/HĐTCXD/CDC-PVCĐĐ ngày 04/11/2016 (Thi công điện, nước Khu thể thao đa năng Q1-TPHCM)	UBND Quận 1-TP HCM	phường Bến Thành, Q1, TP. HCM		10,138	9,59	7,62															
7	Xây dựng nhà phổ thương mại thuộc dự án Khu dân cư và viện dưỡng lão tại Long An.				107,16	108,89	86,70		12,29	1,11					6,15	0,55					6,15	0,55
8	Hoàn thiện biệt thự song lập thuộc Dự án Khu đô thị Năm Sao				1,1055	1,01	0,44															
9	Hoàn thiện nhà phố liền kề KDC Tiễn Lộc Garden (Số 02/2019/HĐTC/TA-PVCDD ngày 25/09/2019)	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Tiễn Lộc	Đồng Nam		35,619	5,02		30,60	27,82	2,37	10,71	9,74	0,68	12,24	11,13	0,79	7,65	6,95	0,90			
10	Các Dự án dự kiến khác		Hà Nội		67,82			66,00	14,46	2,95							22,01	11,77	1,41	44,00	2,69	1,54
B	LĨNH VỰC NGOÀI XL							6,76	6,25	1,29	0,67	0,64	0,23	0,67	0,64	0,23	0,67	0,64	0,23	4,74	4,34	0,60
I	Kinh doanh BĐS							5,71	5,20	1,12	0,41	0,38	0,19	0,41	0,38	0,19	0,41	0,38	0,19	4,48	4,08	0,56
1	Kinh doanh căn hộ ngắn hạn được chia từ góp vốn vào DA của Công ty Phú Long (TP HCM)							0,19	0,18	0,090	0,048	0,045	0,023	0,048	0,045	0,023	0,048	0,045	0,023	0,048	0,045	0,023
2	Cho thuê Văn phòng Công ty							1,45	1,32	0,660	0,36	0,33	0,17	0,36	0,33	0,17	0,36	0,33	0,17	0,36	0,33	0,17
3	Bán căn hộ Phú Long							4,07	3,70	0,37										4,07	3,70	0,37
4	Doanh thu kinh doanh khác																					
II	Sản xuất kinh doanh khác							1,05	1,05	0,17	0,26	0,26	0,04	0,26	0,26	0,04	0,26	0,26	0,04	0,26	0,26	0,04
1	Lãi TGNH							0,05	0,05	0,05	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01
2	Thu nhập khác							1,00	1,00	0,12	0,25	0,25	0,03	0,25	0,25	0,03	0,25	0,25	0,03	0,25	0,25	0,03

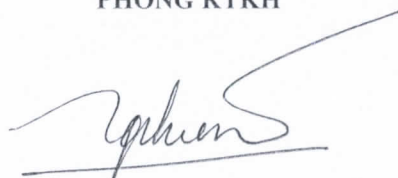
STT	Tên công trình/Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Tiến độ theo hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2019		NĂM 2020															
								Kế hoạch năm 2020			Kế hoạch Quý I			Kế hoạch Quý II			Kế hoạch Quý III			Kế hoạch Quý IV			
						Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế	Giá trị SXKD	Doanh thu	Lợi nhuận trước thuế
C	CHI PHÍ									11,97					2,99				2,99				2,99
1	CP quản lý									9,44					2,36				2,36				2,36
2	CP bán hàng									-													
3	CP khác									1,25					0,31				0,31				0,31
4	CP tài chính (Bao gồm cả CP lãi vay)									1,280					0,32				0,32				0,32

NGƯỜI LẬP



Triệu Thị Hồng Hà

PHÒNG KTKH

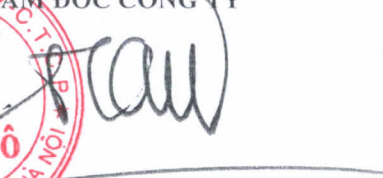


Ngô Duy Chinh

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2020



GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Phan Minh Tâm

**TỔNG HỢP BÁO CÁO VỀ XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG
THỰC HIỆN NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

TT	Chỉ tiêu xây dựng kế hoạch	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2019		Kế hoạch năm 2020
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	2	3	4	5	6
I	CHỈ TIÊU SXKD				
1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)				
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	121.000	38.620	120.050
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	110.728	55.750	110.419
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	110	(33.940)	-
5	Lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với nhà nước, các thành viên góp vốn.	Tr.đồng	110	(33.940)	-
6	Hệ số bảo toàn phát triển vốn				
7	Tổng các khoản nộp ngân sách	Tr.đồng	410	252	215
II	TIỀN LƯƠNG				
1	Lao động kế hoạch	Người	95		90
2	Lao động thực tế sử dụng BQ	Người	84	61	76
3	Tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng	7,780,		7,933
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	7,780,		7,933
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		7,725	
6	Năng suất lao động BQ kế hoạch (2-3)	Tr.đ/năm	10.272		9.631
7	Năng suất lao động BQ thực hiện	Tr.đ/năm		(17.130)	
8	Quỹ tiền lương kế hoạch của lao động kế hoạch	Tr.đồng	7.842		7.425
9	Quỹ tiền lương làm thêm giờ	Tr.đồng		170	
10	Tiền lương của những ngày nghỉ Lễ, nghỉ phép, nghỉ chế độ được hưởng lương	Tr.đồng		185	
11	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		5.655	
12	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	200		
13	Quỹ tiền thưởng, p.lợi phân phối trực tiếp cho NLĐ	Tr.đồng	200		
14	Thu nhập bình quân (Theo LĐ thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	7,780	7,725	7,933

PHÒNG TCHC

Đỗ Thị Thủy

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Hồng Thái

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2020
NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÂN VON

Phan Minh Tâm

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: triệu đồng

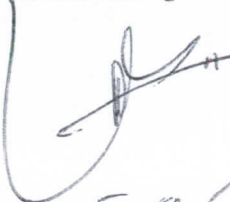
TT	Diễn giải	Kế hoạch Năm 2019	Thực hiện cả năm 2019	Kế hoạch 2020	Ghi chú
A	B	1	4	5	6
1	Chi phí nhân viên Quản lý	6,532	6,511	6,808	
	- Tiền lương	5,220	5,207	5,350	
	- BHXH, BHYT, KPCĐ	1,312	1,304	1,458	
2	Chi phí vật liệu quản lý	9	9	9	
	- Chi phí văn phòng phẩm	3	3	4	
	- Chi vật liệu quản lý khác	6	6	8	
3	Chi phí đồ dùng văn phòng	270	269	280	
4	Chi phí khấu hao TSCĐ	1,077	1,077	1,062	
	- Nhà cửa vật kiến trúc	581	581	568	
	- Máy móc, thiết bị	262	262	260	
	- Phương tiện vận tải	234	234	234	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		0		
	- Tài sản cố định khác		0		
5	Chi phí dự phòng		0		
6	Thuế, phí, lệ phí	139	138	136	
7	Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,162	1,363	1,141	
	- Tiền điện nước	225	233	220	
	- Tiền fax, điện thoại	22	24	23	
	- Thuê trụ sở làm việc		0		
	- Chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ văn phòng		0		
	- Chi phí đồng phục cho CBCNV		0		
	- Chi phí dịch vụ tòa nhà văn phòng	253	255	250	
	- Chi phí kiểm toán	96	270	90	
	- Chi phí mua bảo hiểm tài sản	68	78	70	
	- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác (phí bảo lãnh, phí lệ phí...)	499	502	488	
8	Chi bằng tiền khác	1,340	1,255	1,252	
	- Chi phí tiếp khách	294	277	220	
	- Công tác phí tàu xe	258	246	248	
	- Tiền nhiên liệu	172	184	170	
	- Chi phí tiếp thị quảng cáo	3	3	3	
	- Chi phí đào tạo	1	3	2	
	- Chi phí hội nghị, khánh tiết, lễ tân	190	175	189	
	- Phí quản lý nộp TCT (nếu có)		0		
	- Chi phí bằng tiền khác	422	369	420	
	Tổng cộng	10,529	10,622	10,688	

Hà Nội, ngày 3 tháng 6 năm 2020

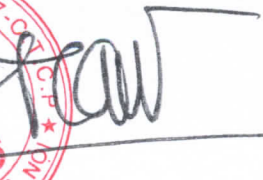
Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


 Bùi Hồng Thái




 Phan Minh Tâm